TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/DS-ST
Ngày 26 – 5 – 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Sim

2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Bảo Trân – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Cái Đôi N, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị La Thị T1, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Cái Đôi N, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Dương Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 30/5/2014 âm lịch, anh có tham gia 01 chân hụi, loại hụi 500.000 đồng do chị La Thị T1 làm chủ. Dây hụi có 45 chân, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng. Quá trình giao dịch, anh đã đóng hụi sống cho chị T1 được 30 kỳ nhưng đến khoảng tháng 5 năm 2015 âm lịch, chị T1 tuyên bố định hụi nhưng không mời hụi viên đến nhà để đối chiếu cũng không có việc thỏa thuận gật tiền nợ hụi giữa anh với chị T1, anh Dương Văn Vũ và chị Dương Thị Út Lớn, việc chị T1 trình bày anh Vũ, chị Út Lớn nợ tiền hụi thì chị T1 kiện đòi anh Vũ, chị Út Lớn còn chị T1 nợ anh thì có trách nhiệm trả nợ cho anh, chứ anh không yêu cầu gì đối với anh Vũ và chị Út Lớn.

Sau khi đình hụi, chị T1 bỏ đi nên anh không kiện được, chị T1 cũng không trả lại tiền hụi anh đã đóng và tính theo hụi chết, chị T1 còn nợ anh số tiền là

15.000.000 đồng nên anh khởi kiện yêu cầu chị T1 có trách nhiệm trả cho anh một lần hết số tiền hụi còn nợ nêu trên nhưng tại phiên tòa, anh đồng ý việc bà T1 thừa nhận nợ anh số tiền 13.500.000 đồng nên anh T thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà T1 trả một lần cho anh hết số tiền hụi còn nợ là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra, anh T không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị La Thị T (bị đơn) trình bày:

Vào ngày 30/5/2014 âm lịch (viết tắt âl), chị có mở dây hụi 500.000 đồng, hụi hưởng hoa hồng mỗi chân hốt thì phải trả tiền cò lại cho chị là 400.000 đồng, việc mở hụi có lập danh sách hụi viên, không có đăng ký với chính quyền địa phương. Dây hụi có 45 chân, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng. Quá trình giao dịch, anh T đã đóng hụi sống cho chị được 27 kỳ hụi sống thì đến ngày 10/6/2015 (âl), chị tuyên bố đình hụi do một số hụi viên hốt hụi không đóng lại hụi chết. Sau khi tuyên bố đình hụi, chị có thông báo cho các hụi viên được biết và mời hụi viên cùng nhau đến nhà để đối chiếu, gật hụi với nhau, cụ thể chân hụi của anh T khi gật hụi chị cũng đồng ý tính bằng hụi chết với số tiền nợ anh T là 13.500.000 đồng. Do chị Dương Thị Út Lớn còn nợ chị số tiền hụi là 8.000.000 đồng, anh Dương Văn Vũ còn nợ hụi của chị số tiền 5.500.000 đồng nên giữa chị với anh T cùng chị Út Lớn, anh Vũ thống nhất việc gật số tiền hụi chị nợ anh T cho chị Út Lớn, anh Vũ trả cho anh T nên chị không phải trả nợ cho anh T và chị Út Lớn, anh Vũ không phải trả nợ lại cho chị, việc gật hụi có làm giấy tay và đưa cho các bên giữ. Nay anh T yêu cầu chị trả số tiền nợ hụi trên, chị không đồng ý vì chị không còn nợ anh T và chị cũng không yêu cầu gì đối với anh Vũ, chị Út Lớn. Ngoài ra, chị T1 không trình bày gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với anh Dương Văn Vũ và chị Dương Thị Út Lớn tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh, chị không hợp tác để Tòa án làm rõ việc gật hụi giữa nguyên đơn, bị đơn với anh, chị nên Tòa án chưa đủ cơ sở để đưa anh Vũ, chị Út Lớn vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, nguyên đơn trình bày đã đóng hụi được 30 kỳ hụi thì đến khoảng tháng 5 năm 2015 (âl), bị đơn tuyên bố đình hụi nhưng không trả số tiền hụi nguyên đơn đã đóng, riêng bị đơn không đồng ý còn nợ nguyên đơn vì sau khi đình hụi, giữa các bên đã gặp nhau đối chiếu số tiền hụi còn nợ nguyên đơn là 13.500.000 đồng và số tiền này bị đơn đã gật qua cho hụi viên Dương Văn Vũ, Dương Thị Út Lớn trả cho nguyên đơn nên các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn mở dây hụi vào ngày 30/5/2014 (âl) tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng

có lập danh sách hụi viên, được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hụi, thời gian khui hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia, số chân hụi nguyên đơn tham gia là sự thật nên không phải chứng minh. Mặc dù, các đương sự trình bày mâu thuẫn với nhau về số kỳ hụi đã đóng và thời gian đình hụi nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi bị đơn cung cấp được sổ theo dõi việc hụi viên đóng hụi (đã được đối chiếu bản gốc) nên cần căn cứ vào sổ theo dõi trên là chứng cứ để xác định thời gian bị đơn đình hụi là ngày 10/6/2015 (âl), thời gian mãn hụi là ngày 30/4/2016 (âl) và số kỳ hụi sống nguyên đơn đã đóng cho bị đơn 27 kỳ bao gồm việc nguyên đơn đóng chầu 03 lần với số tiền 850.000 đồng sau khi bị đơn đã tuyên bố đình hụi là phù hợp.

[4] Dù rằng, sổ theo dõi việc đóng hụi do bị đơn cung cấp được xem là chứng cứ nhưng trong sổ theo dõi không ghi nhận từng kỳ hụi, mỗi hụi viên tham gia bỏ bao nhiêu tiền để được hốt hụi, các hụi viên không hốt hụi phải đóng hụi sống lại cho bị đơn ở từng lần bỏ hụi là bao nhiêu. Hơn nữa, các đương sự không đưa ra được chứng cứ chứng minh từng kỳ khui hụi, họ tên hụi viên ở từng kỳ hốt hụi nên chưa đủ cơ sở xác định số tiền thực đóng của nguyên đơn nên không có căn cứ để điều chỉnh lãi hụi. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn về số tiền nợ hụi là 13.500.000 đồng và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền trên - Đây là ý chí, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[5] Đối với việc gật nợ hụi, bị đơn không cung cấp được chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh trong khi nguyên đơn không thừa nhận, còn anh Vũ và chị Lớn không hợp tác để cho Tòa án làm việc nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn về việc gật nợ hụi. Trường hợp bị đơn có căn cứ xác định anh Vũ, chị Út Lớn có tham gia chơi hụi và còn nợ hụi bị đơn thì bị đơn có quyền khởi kiện anh Vũ, chị Út Lớn ở vụ kiện dân sự khác mà không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Đối với nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn T.

Buộc chị La Thị T1 trả cho anh Dương Văn T số tiền là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Dương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, chị La Thị T1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị La Thị T1 phải chịu số tiền là 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng – chưa nộp).

Anh Dương Văn T không phải chịu. Ngày 02/01/2025, anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003713 được trả lại toàn bộ cho anh T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân